

HƯỚNG DẪN

Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ Y tế quy định chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KCB) ;

Căn cứ Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế quy định đăng ký KCB bảo hiểm y tế (BHYT) ban đầu và chuyển tuyến KCB BHYT;

Căn cứ Công văn số 2024/BHXH-GĐBHYT ngày 17/11/2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh về việc cung cấp số lượng thẻ BHYT KCB ban đầu có giá trị sử dụng đến 31/10/2022 và dự kiến thẻ BHYT KCB ban đầu năm 2023;

Liên ngành Sở Y tế - Bảo hiểm xã hội tỉnh thống nhất hướng dẫn đăng ký KCB BHYT ban đầu, dự kiến số lượng thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB và chuyển tuyến KCB BHYT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023, như sau:

1. Nguyên tắc đăng ký KCB BHYT ban đầu

1.1. Đảm bảo người tham gia BHYT được lựa chọn nơi đăng ký KCB BHYT ban đầu tại tuyến xã và tương đương hoặc tuyến huyện và tương đương không phân biệt địa giới hành chính, phù hợp với nơi cư trú, công tác và khả năng đáp ứng của cơ sở KCB theo quy định của Bộ Y tế và hướng dẫn này.

1.2. Các Bệnh viện ngoài công lập và Bệnh viện tuyến Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh không thực hiện đăng ký KCB BHYT ban đầu đối với đối tượng thuộc Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

1.3. Đăng ký KCB BHYT tại cơ sở KCB BHYT ban đầu tuyến tỉnh, tuyến Trung ương đối với trẻ em dưới 6 tuổi thực hiện theo điểm d, khoản 2, Điều 9 Thông tư số 40/2015/TT-BYT.

1.4. Đảm bảo cân đối cơ cấu thẻ theo nhóm đối tượng tham gia BHYT tại các cơ sở KCB trên địa bàn phù hợp giữa địa giới hành chính và các nhóm đối tượng; tăng cường vai trò của tuyến y tế cơ sở, giảm quá tải cho các Bệnh viện tuyến trên đặc biệt là cơ sở KCB tuyến tỉnh, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được KCB BHYT ban đầu ngay từ tuyến y tế cơ sở, ...

2. Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu

Người tham gia BHYT được đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở y tế đủ điều kiện KCB BHYT ban đầu như sau:

2.1. Đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB tuyến xã, tuyến huyện

2.1.1. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác trên địa bàn xã, phường, thị trấn đó (trừ các đối tượng được ưu tiên, có nhu cầu đăng ký vào các cơ sở y tế tuyến trên).

2.1.2. Đăng ký KCB ban đầu tại Trạm Y tế cơ quan, đơn vị: Nhận đăng ký KCB ban đầu cho đối tượng thuộc cơ quan, đơn vị đó quản lý.

2.1.3. Đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện đa khoa, phòng khám đa khoa đóng tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cả Bệnh viện đa khoa khu vực đóng trên địa bàn huyện nơi không có Bệnh viện đa khoa huyện):

- Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn nơi bệnh viện, phòng khám đóng trụ sở;

- Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn khu vực lân cận có nguyện vọng đăng ký hoặc Trạm y tế xã, phường, thị trấn đóng tại địa bàn đó không thực hiện KCB BHYT ban đầu.

- Các phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế huyện được phân bổ thẻ đăng ký KCB ban đầu sau khi được ký hợp đồng KCB BHYT tại Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

- Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc: Người tham gia BHYT cư trú, công tác trên địa bàn huyện Ngọc Lặc, bao gồm:

- + Thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng tham gia BHYT theo nhóm đối tượng người có công với cách mạng, người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên, Cựu chiến binh (Phù hợp với địa giới hành chính và nguyện vọng của người tham gia BHYT), hưu trí cư trú trên địa bàn thị trấn Ngọc Lặc.

- + Cán bộ, công chức, viên chức tham gia BHYT trong các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, Đảng, hội, đoàn thể cấp huyện, cấp tỉnh đóng trên địa bàn huyện Ngọc Lặc.

- + Trẻ em dưới 6 tuổi cư trú trên địa bàn.

2.2. Bệnh viện Điều dưỡng Phục hồi chức năng Trung ương:

Người tham gia BHYT thường trú, tạm trú có thời hạn hoặc làm việc trên địa bàn thành phố Sầm Sơn và một số xã giáp ranh thuộc huyện Quảng Xương, thành phố Thanh Hóa có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3. Đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB trên địa bàn khu vực thành phố Thanh Hóa

2.3.1. Bệnh viện 71 Trung ương:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường: Quảng Tâm, Quảng Phú, Quảng Cát, Quảng Đông, Quảng Thành, Quảng Đại, Quảng Minh, Quảng Hùng, Quảng Thọ, Quảng Châu, Quảng Hưng và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.2. Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, bao gồm:

- Thương binh, bệnh binh; người có công với cách mạng tham gia BHYT theo nhóm đối tượng người có công với cách mạng; người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên.

- Cán bộ, công chức, viên chức tham gia BHYT trong các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, hội, đoàn thể cấp tỉnh;

- Người tham gia BHYT thuộc văn phòng Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh;

- Cán bộ hưu trí Câu lạc bộ Hàm Rồng;

- Cán bộ, nhân viên thuộc Bệnh viện Tâm Thần, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Phổi Thanh Hóa, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Da liễu, Bệnh viện Nội Tiết, Bệnh viện Phụ Sản, Bệnh viện Ung Bướu, Trung tâm Giám định y khoa, Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm - mỹ phẩm;

- Người có công với cách mạng tham gia BHYT theo các nhóm đối tượng khác thuộc phường: Đông Vệ, Quảng Thắng và xã Quảng Thịnh.

2.3.3. Phòng khám Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ:

Bao gồm đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý địa bàn lân cận có nhu cầu đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo hướng dẫn này.

2.3.4. Bệnh viện Nhi Thanh Hóa:

Trẻ em dưới 6 tuổi cư trú trên địa bàn thành phố Thanh Hoá.

2.3.5. Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa:

Người cư trú, công tác, học tập trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, bao gồm:

- Người có công với cách mạng nếu có nguyện vọng;
- Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên nếu có nguyện vọng;
- Cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Thành ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp thành phố;
- Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn phường: Trường Thi, Điện Biên, Quảng Hưng, Nam Ngạn và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.6. Bệnh viện đa khoa Hợp Lực:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường: Đông Thọ, Hàm Rồng, Đông Cương, Tào Xuyên và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.7. Bệnh viện đa khoa Thanh Hà:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường: Đông Sơn, Đông Hương, Đông Hải và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.8. Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường: Phú Sơn, Đông Lĩnh, An Hưng, Đông Tân và khu vực lân cận huyện Đông Sơn nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.9. Bệnh viện đa khoa Đức Thiện:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường: Đông Vệ, Quảng Thịnh, Quảng Thắng, Ngọc Trạo và người tham gia BHYT khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.10. Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hóa:

Người tham gia BHYT là thân nhân Công an tỉnh Thanh Hóa cư trú, công tác trên địa bàn các xã, phường thuộc thành phố Thanh Hóa và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.11. Phòng khám đa khoa 95 Lê Hoàn:

Người tham gia BHYT thuộc Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế và người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường Lam Sơn, Ba Đình và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.12. Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác trên địa bàn các phường Điện Biên, Tân Sơn và người tham gia BHYT trên địa bàn và khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.13. Phòng khám đa khoa An Bình:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường: Đông Vệ, Ngọc Trạo, Quảng Thắng và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.14. Phòng khám đa khoa 246:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường: Đông Vệ, Ngọc Trạo, Quảng Thịnh và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.15. Phòng khám đa khoa Tâm An:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn phường Tân Sơn, Phú Sơn và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.16. Phòng khám đa khoa 246 cơ sở 2:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường Ba Đình, Ngọc Trạo và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.17. Phòng khám đa khoa Đoàn Dung:

Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các phường Đông Hương, Lam Sơn và người tham gia BHYT trên địa bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

2.3.18. Phòng khám đa khoa y học lâm sàng - Trường Cao đẳng y tế Thanh Hóa:

Nhận đăng ký KCB ban đầu cho đối tượng là cán bộ công chức, viên chức, lao động hợp đồng, sinh viên thuộc nhà trường và người tham gia BHYT trên địa



bàn, khu vực lân cận nếu có nguyện vọng đăng ký khi số lượng thẻ đăng ký KCB ban đầu chưa vượt dự kiến theo Hướng dẫn này.

3. Quy định về chuyển tuyến KCB BHYT

- Người bệnh có thẻ BHYT được đăng ký KCB BHYT ban đầu và chuyển tuyến KCB theo quy định tại: Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014; Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ y tế; Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế; Thông tư số 04/2016/TT-BYT ngày 26/02/2019 của Bộ Y tế quy định KCB và thanh toán chi phí KCB BHYT liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao; Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.

- Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc: Thực hiện theo Công văn số 2727/SYT-NVY ngày 08/7/2022 của Sở Y tế về việc đăng ký KCB BHYT ban đầu và chuyển tuyến KCB BHYT trên địa bàn huyện Ngọc Lặc.

- Chuyển tuyến bệnh nhân ung thư thực hiện theo Công văn số 2000/SYT-NVY ngày 30/7/2019 của Sở Y tế Thanh Hóa về việc hướng dẫn chuyển tuyến KCB BHYT đối với bệnh nhân ung thư.

(Có phụ lục dự kiến số lượng thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB kèm theo Hướng dẫn này).

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Y tế

- Chỉ đạo các cơ sở KCB nâng cao chất lượng KCB đảm bảo quyền lợi cho người có thẻ BHYT, quản lý, sử dụng quỹ BHYT có hiệu quả, đúng quy định của Pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan BHXH tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong KCB BHYT tại các cơ sở KCB.

4.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Phòng Quản lý Thu và Cơ quan Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn người tham gia BHYT lựa chọn nơi đăng ký hoặc thay đổi nơi đăng ký KCB ban đầu phù hợp, thuận tiện theo Hướng dẫn này; thông báo đến các đơn vị sử dụng lao động đóng trên địa bàn.

- Trường hợp thẻ đăng ký KCB ban đầu vượt quá dự kiến số lượng thẻ tại các cơ sở KCB BHYT thì BHXH các huyện, thị xã, thành phố và phòng Quản lý Thu hướng dẫn người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB tuyến xã hoặc các cơ sở KCB khác tương đương tuyến huyện nơi đối tượng dự kiến đăng ký có số lượng thẻ chưa vượt quá dự kiến, đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc đã nêu (trừ các đối tượng người có công với cách mạng, người đủ từ 80 tuổi trở lên, trẻ em dưới 6 tuổi, cán bộ nghỉ hưu trong năm trên địa bàn thuộc các huyện, thị xã, thành phố mà người tham gia cư trú).

- Cung cấp danh sách những người có thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB theo quy định tại Khoản 2, Điều 20 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ, báo cáo Lãnh đạo BHXH tỉnh phối hợp với Sở Y tế để kịp thời thống nhất điều chỉnh cho phù hợp.

4.3. Các cơ sở KCB BHYT:

- Phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người có thẻ BHYT những nội dung về chính sách pháp luật BHYT và thực hiện đúng các quy định của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

- Tổ chức thực hiện KCB cho người tham gia BHYT theo đúng quy định của Pháp luật Nhà nước về BHYT và các hướng dẫn của Bộ Y tế.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội tỉnh để thống nhất xem xét, giải quyết./.

ĐẠI DIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Sợi

ĐẠI DIỆN SỞ Y TẾ

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Thái Hòa

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- BHXH Việt Nam (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Giám đốc, các PGĐ BHXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng NVY, KHTC, Thanh tra Sở Y tế;
- BHXH các huyện, thị xã, thành phố;
- VP và các Phòng nghiệp vụ BHXH tỉnh;
- Các ĐVSDLD trên địa bàn TP Thanh Hóa;
- Các đại lý thu BHYT trên địa bàn TP Thanh Hóa;
- Website SYT, Website BHXH tỉnh;
- Lưu: VT, NYV SYT, VT BHXH tỉnh.

Phụ lục

DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG THẺ BHYT ĐĂNG KÝ KHÁM CHỮA BỆNH BAN ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo Hướng dẫn Liên ngành số 5283/HDLN/SYT-BHXH ngày 28/12/2022)



STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu tối đa	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
I	Thành phố Thanh Hóa		437.000	155.000	40.000	77.000	77.900	74.400	12.700
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	38280	23.000	12.000	5.000	6.000	-	-	-
2	Bệnh viện 71 Trung ương	38281	30.000	12.000	3.000	3.000	4.000	8.000	-
3	Bệnh viện Nhi	38287	45.000	-	-	45.000	-	-	-
4	PK Ban bảo vệ & chăm sóc sức khỏe cán bộ	38288	3.000	1.000	2.000	-	-	-	-
5	Bệnh viện đa khoa Hợp Lực (Thuộc Công ty TNHH MTV Bệnh viện đa khoa Hợp Lực)	38289	70.000	30.000	6.000	5.000	15.000	14.000	-
6	Phòng khám đa khoa Tâm An (Thuộc Công ty Cổ phần đầu tư y tế Bệnh viện Tâm An)	38739	8.000	4.000	500	1.000	1.000	1.500	-
7	Bệnh viện đa khoa Thanh Hà (Thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Thanh Hà)	38725	25.000	12.000	4.000	3.000	3.000	3.000	-
8	Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh (Thuộc Công ty TNHH Phương Linh)	38733	30.000	13.000	4.000	2.000	5.000	6.000	-
9	Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hóa	38742	8.000	-	-	-	-	-	8.000
10	Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa	38010	48.000	20.000	6.000	6.000	6.000	10.000	-
11	Bệnh viện đa khoa Đức Thiện (Thuộc Công ty Cổ phần Y - Dược Hoàn Mỹ)	38802	20.000	9.000	3.000	1.000	4.500	2.500	-
12	Phòng khám đa khoa - TTYT thành phố Thanh Hóa	38764		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		79.000	22.500	4.000	4.000	30.400	13.400	4.700
13	Phòng khám đa khoa y học lâm sàng - Trường Cao đẳng y tế	38003	4.000	1.500	-	-	-	2.500	-
14	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật TH	38730	2.000	-	-	-	1.000	1.000	-

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu tối đa	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
15	Chi nhánh Phòng khám đa khoa - Phòng mạch Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Thanh Hóa	38700	9.000	4.000	500	500	1.000	3.000	-
16	Phòng khám đa khoa 246 (Thuộc Công ty Cổ phần y Dược Hoàng Gia)	38710	8.000	3.000	500	-	2.000	2.500	-
17	Phòng khám đa khoa 246 - Cơ sở 2 (Thuộc Công ty Cổ phần y Dược Hoàng Bảo Anh)	38750	9.000	4.000	500	-	2.000	2.500	-
18	Phòng khám đa khoa An Bình (Thuộc Công ty Cổ phần y Dược An Bình Hưng)	38746	8.000	3.000	500	-	2.000	2.500	-
19	Phòng khám đa khoa Đoàn Dung (Thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Đoàn Dung)	38751	8.000	4.000	500	500	1.000	2.000	-
II	Thị xã Bim Sơn		56.000	13.900	8.400	10.300	13.600	9.800	-
1	Bệnh viện đa khoa thị xã Bim Sơn	38020	19.000	4.000	3.000	4.000	5.000	3.000	-
2	Trạm y tế xã, phường		13.000	5.400	2.400	1.800	2.600	800	-
3	Bệnh viện đa khoa ACA (Thuộc Công ty TNHH dịch vụ y tế ACA)	38734	15.000	3.000	2.000	3.000	4.000	3.000	-
4	Phòng khám đa khoa Hồng Phát (Thuộc Công ty Cổ phần Y tế Hồng Phát)	38787	9.000	1.500	1.000	1.500	2.000	3.000	-
III	Thành phố Sầm Sơn		88.000	6.200	3.200	26.600	19.200	32.800	-
1	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	38030	35.000	3.000	1.000	12.000	7.000	12.000	-
2	Phòng khám đa khoa - TTYT thành phố Sầm Sơn	38776		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		34.000	1.200	1.200	10.600	7.700	13.300	-
3	Phòng khám đa khoa Medic Sầm Sơn (Thuộc Công ty Cổ phần Medic Sầm Sơn)	38797	7.000	1.000	500	1.000	2.000	2.500	-
4	Bệnh viện điều dưỡng PHCN TW	38034	12.000	1.000	500	3.000	2.500	5.000	-
IV	Huyện Quan Hóa		49.000	2.400	800	34.200	7.200	4.400	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa	38040	10.000	1.000	400	5.600	2.000	1.000	-
2	TTYT huyện Quan Hóa	38782		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		39.000	1.400	400	28.600	5.200	3.400	-
V	Huyện Bá Thước		98.000	3.500	1.800	58.000	24.400	10.300	-

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu tối đa	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
1	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	38050	15.000	1.000	500	10.000	1.000	2.500	-
2	TTYT huyện Bá Thước	38792		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		76.000	2.000	800	44.000	22.400	6.800	-
3	Phòng khám đa khoa Lương Điền (Thuộc Công ty TNHH MTV Lương Điền)	38738	7.000	500	500	4.000	1.000	1.000	-
VI	Huyện Thường Xuân		86.000	5.400	1.800	42.000	29.100	7.700	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	38060	17.000	2.000	800	7.000	5.000	2.200	-
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Thường Xuân	38768		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		69.000	3.400	1.000	35.000	24.100	5.500	-
VII	Huyện Như Xuân		63.000	2.800	1.800	32.900	9.200	15.400	900
1	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	38070	12.000	1.000	600	7.000	1.000	1.500	900
2	TTYT huyện Như Xuân	38794		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		43.000	1.300	700	21.900	7.200	11.900	-
3	Phòng khám đa khoa Nhung Hiếu (Thuộc Công ty TNHH PKĐK Nhung Hiếu)	38754	8.000	500	500	4.000	1.000	2.000	-
VIII	Huyện Lang Chánh		47.000	2.100	1.000	28.400	10.100	5.400	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh	38080	10.000	1.000	500	5.500	2.000	1.000	-
2	TTYT huyện Lang Chánh	38772		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		37.000	1.100	500	22.900	8.100	4.400	-
IX	Huyện Ngọc Lặc		129.700	9.500	4.300	36.900	28.400	50.600	-
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	38090	28.000	4.000	1.000	13.000	3.000	7.000	-
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Ngọc Lặc	38773	7.000	500	500	5.000	500	500	-
	Trạm y tế xã, phường		87.700	4.000	2.300	16.900	23.900	40.600	-
3	Phòng khám đa khoa An Phước - 68 (Thuộc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế An Phước)	38731	7.000	1.000	500	2.000	1.000	2.500	-
X	Huyện Cẩm Thủy		96.000	5.200	3.700	27.100	24.000	35.500	500
1	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	38100	20.000	2.000	1.000	11.500	3.000	2.000	500

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu tối đa	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
2	TTYT huyện Cẩm Thủy	38779		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		69.000	2.200	2.200	12.600	20.000	32.000	-
3	Phòng khám đa khoa Giang Sơn (Thuộc Công ty Cổ phần Hưng Cần)	38722	7.000	1.000	500	3.000	1.000	1.500	-
XI	Huyện Thạch Thành		134.000	12.000	5.000	48.500	26.000	42.500	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	38110	20.000	3.000	2.000	10.000	3.000	2.000	-
2	TTYT huyện Thạch Thành	38771		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		99.000	7.000	1.000	34.500	20.500	36.000	-
3	Phòng khám đa khoa Tâm Tài (Thuộc Công ty TNHH Tâm Tài)	38712	8.000	1.000	1.000	2.000	1.500	2.500	-
4	Phòng khám đa khoa 115 Hà Nội (Thuộc Công ty TNHH MTV Y tế Đức Chính)	38789	7.000	1.000	1.000	2.000	1.000	2.000	-
XII	Huyện Thọ Xuân		185.000	16.000	11.400	53.600	72.000	32.000	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	38120	60.000	6.000	2.000	22.000	20.000	10.000	-
2	Trạm y tế xã, phường		111.000	6.000	7.400	27.600	50.000	20.000	-
3	Phòng khám đa khoa Lam Sơn (Thuộc Công ty TNHH Vàng bạc Thanh Xuân)	38757	7.000	2.000	1.000	2.000	1.000	1.000	-
4	Phòng khám đa khoa Phú Nam (Thuộc Công ty TNHH khám chữa bệnh đa khoa Phú Nam)	38795	7.000	2.000	1.000	2.000	1.000	1.000	-
XIII	Huyện Vĩnh Lộc		77.000	8.400	4.300	22.800	22.000	19.500	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	38130	30.000	4.000	2.000	10.000	8.000	6.000	-
2	TTYT huyện Vĩnh Lộc	38785		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		47.000	4.400	2.300	12.800	14.000	13.500	-
XIV	Huyện Yên Định		152.800	33.500	8.400	43.900	33.000	33.000	1.000
1	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	38140	50.000	20.000	4.000	8.000	7.000	10.000	1.000
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Yên Định	38763		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		72.800	8.500	2.900	25.900	21.000	14.500	-

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu tối đa	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
3	Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành (Thuộc Công ty Cổ phần y dược Trí Đức)	38732	30.000	5.000	1.500	10.000	5.000	8.500	-
XV	Huyện Triệu Sơn		177.000	20.300	7.700	54.300	64.700	30.000	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	38150	60.000	9.000	2.000	19.000	18.000	12.000	-
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Triệu Sơn	38770		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		110.000	10.300	4.700	33.300	44.700	17.000	-
3	Phòng khám đa khoa An Thịnh (Thuộc Công ty TNHH khám, chữa bệnh đa khoa Đại An)	38786	7.000	1.000	1.000	2.000	2.000	1.000	-
XVI	Huyện Nông Cống		148.000	17.500	7.000	45.500	49.700	27.000	1.300
1	Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống	38160	46.000	4.200	2.000	20.000	13.500	5.000	1.300
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Nông Cống	38765		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		46.000	7.100	400	9.000	17.000	12.500	-
3	Phòng khám đa khoa Hà Nội (Thuộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Y tế Hà Nội)	38716	7.000	1.000	1.000	1.000	2.000	2.000	-
4	Bệnh viện đa khoa Tâm Đức Cầu Quan (Thuộc Công ty TNHH chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế Tuấn Phụng)	38720	35.000	3.200	1.600	11.500	13.200	5.500	-
5	Phòng khám đa khoa An Khang (Thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Như Thanh Khánh Hoàng)	38735	7.000	1.000	1.000	2.000	2.000	1.000	-
6	Phòng khám đa khoa Minh Thọ (Thuộc Công ty TNHH Y dược Đức Tâm)	38758	7.000	1.000	1.000	2.000	2.000	1.000	-
XVII	Huyện Đông Sơn		68.800	5.600	3.800	18.700	21.700	19.000	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Sơn	38170	19.000	2.000	1.000	9.000	3.000	4.000	-
2	TTYT huyện Đông Sơn	38790		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		49.800	3.600	2.800	9.700	18.700	15.000	-
XVIII	Huyện Hà Trung		102.000	16.400	5.800	29.500	37.500	12.800	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung	38180	32.000	6.000	2.000	12.000	9.000	3.000	-

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu tối đa	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Hà Trung	38778		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		62.000	9.400	2.800	15.500	26.500	7.800	-
3	Phòng khám đa khoa Mai Thanh (Thuộc Công ty TNHH MTV TM & DV Giang Thanh)	38793	8.000	1.000	1.000	2.000	2.000	2.000	-
XIX	Huyện Hoằng Hóa		175.600	16.600	9.800	63.200	52.300	33.700	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa	38190	58.000	8.000	4.000	25.000	15.000	6.000	-
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Hoằng Hóa	38766		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		77.600	3.600	2.800	28.200	25.300	17.700	-
3	Bệnh viện đa khoa Hàm Rồng (Thuộc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển y dược Hàm Rồng)	38721	22.000	2000	2000	6000	8000	4000	-
4	Bệnh viện đa khoa Hải Tiến (Thuộc Công ty Cổ phần Medipha)	38736	18.000	3.000	1.000	4.000	4.000	6.000	-
XX	Huyện Nga Sơn		117.000	12.100	4.800	34.600	40.000	25.500	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	38200	60.000	6.000	2.000	20.000	20.000	12.000	-
2	TTYT huyện Nga Sơn	38783		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		42.000	4.100	1.800	11.100	15.500	9.500	-
3	Phòng khám đa khoa Thành Đạt (Thuộc Công ty TNHH Y dược Thành Đạt NVT)	38724	8.000	1.000	500	2.000	2.500	2.000	-
4	Phòng khám đa khoa Đại An (Thuộc Công ty TNHH khám chữa bệnh đa khoa Đại An)	38743	7.000	1.000	500	1.500	2.000	2.000	-
XXI	Huyện Hậu Lộc		142.000	12.400	5.800	56.500	44.800	22.500	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	38210	55.000	6.000	2.000	22.000	15.000	10.000	-
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Hậu Lộc	38777		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		80.000	5.400	2.800	32.500	27.800	11.500	-
3	Phòng khám đa khoa Medic Hậu Lộc (Thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Medic hậu Lộc)	38756	7.000	1.000	1.000	2.000	2.000	1.000	-
XXII	Huyện Quảng Xương		164.000	13.700	6.300	51.000	52.000	41.000	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương	38220	50.000	6.000	3.000	10.000	16.000	15.000	-

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu tối đa	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
2	Phòng khám đa khoa - TTYT Quảng Xương	38767		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		92.000	4.700	1.800	36.000	31.000	18.500	-
3	Phòng khám đa khoa 123 (Thuộc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ y tế Hồng Vũ)	38715	7.000	1.000	500	1.500	1.500	2.500	-
4	Phòng khám đa khoa 90 (Thuộc Công ty TNHH Dịch vụ Y tế khám chữa bệnh đa khoa 304)	38726	7.000	1.000	500	1.500	1.500	2.500	-
5	Phòng khám đa khoa An Phúc (Thuộc Công ty TNHH y dược An Phúc NTC)	38788	8.000	1.000	500	2.000	2.000	2.500	-
XXIII	Thị xã Nghi Sơn		229.500	45.000	7.700	74.500	64.500	37.800	-
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	38230	60.000	8.000	2.000	22.000	18.000	10.000	-
2	TTYT thị xã Nghi Sơn	38775		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		114.500	22.000	3.700	29.000	40.000	19.800	-
3	Phòng khám đa khoa Việt Pháp III (Thuộc Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Việt Pháp III)	38740	8.000	1.000	1.000	1.500	1.500	3.000	-
4	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hợp Lực (Thuộc Tổng công ty Cổ phần Hợp Lực)	38748	40.000	12.000	1.000	20.000	3.000	4.000	-
5	Phòng khám đa khoa Nam Sơn (Thuộc Công ty Cổ phần y dược công nghệ cao Nghi Sơn)	38798	7.000	1.000	500	1.500	1.500	2.500	-
XXIV	Huyện Thiệu Hóa		130.000	7.200	5.700	39.900	26.000	51.200	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá	38240	48.000	3.000	2.000	15.000	12.000	16.000	-
2	TTYT huyện Thiệu Hóa	38781		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		52.000	1.200	2.200	14.900	8.000	25.700	-
3	Phòng khám đa khoa An Việt (Thuộc Công ty Cổ phần Bệnh viện Phòng khám An Việt)	38711	10.000	1.000	500	4.000	2.000	2.500	-
4	Bệnh viện đa khoa Đại An (Thuộc Công ty Cổ phần đầu tư Đại An)	38749	20.000	2000	1000	6000	4000	7000	-
XXV	Huyện Như Thanh		90.000	10.000	2.000	37.000	25.500	15.500	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	38250	25.000	5.000	1.000	10.000	5.000	4.000	-
2	TTYT huyện Như Thanh	38784		-	-	-	-	-	-

STT	Tên cơ sở KCB	Mã KCB	Dự kiến số thẻ BHYT KCB ban đầu tối đa	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6
	Trạm y tế xã, phường		55.000	4.000	1.000	24.000	17.500	8.500	-
3	Bệnh viện Y Dược cổ truyền An Khang (Thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Như Thanh Khánh Hoàng)	38799	10.000	1.000	-	3.000	3.000	3.000	-
XXVI	Huyện Quan Sơn		39.700	2.100	500	25.300	7.700	4.100	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	38260	10.000	1.000	300	5.000	2.000	1.700	-
2	Trạm y tế xã, phường		29.700	1.100	200	20.300	5.700	2.400	-
XXVII	Huyện Mường Lát		39.100	1.700	200	36.700	50	450	-
1	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	38270	10.000	1.000	100	8.690	10	200	-
2	TTYT huyện Mường Lát	38780		-	-	-	-	-	-
	Trạm y tế xã, phường		29.100	700	100	28.010	40	250	-
Tổng cộng			3.321.200	456.500	163.000	1.108.900	882.550	693.850	16.400